

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG**

**QUY MÔ SỐ NHÓM, LỚP- SỐ HỌC SINH
NĂM HỌC 2022-2023 CẤP MẦM NON**

(Thời điểm 01/9/2022)

TT	Trường MN	Quy mô năm học 2022-2023									
		Nhà trẻ		Mẫu giáo						Tổng số	
				Lớp 3 tuổi		Lớp 4 tuổi		Lớp 5 tuổi			
		Số trẻ	Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp
1	MN Thị Trấn	45	2	74	2	90	3	87	3	296	10
2	MN Hiệp Lực	73	4	72	3	70	3	85	3	300	13
3	MN Đồng Tâm	87	3	87	3	85	4	93	3	352	13
4	MN Vĩnh Hòa	90	4	113	4	115	4	127	4	445	16
5	MN Ninh Thành	34	3	53	2	64	3	59	2	210	10
6	MN Tân Hương	75	3	100	4	125	4	144	4	444	15
7	MN Đông Xuyên	69	4	81	3	85	3	78	3	313	13
8	MN Ninh Hải	85	4	95	4	90	3	105	4	375	15
9	MN Hồng Dụ	121	7	65	3	95	4	91	4	372	18
10	MN Hồng Phong	100	5	80	3	97	4	90	3	367	15
11	MN Kiến Quốc	86	4	97	3	106	3	129	4	418	14
12	MN Hồng Phúc	72	3	56	2	74	3	70	2	272	10
13	MN Tân Phong	136	3	156	4	146	5	158	4	596	16
14	MN Hưng Long	140	6	151	4	131	4	138	5	560	19
15	MN Văn Giang	67	3	76	3	74	3	72	3	289	12
16	MN Văn Hội	57	3	53	2	63	2	54	2	227	9
17	MN Tân Quang	50	3	56	2	64	2	73	3	243	10
18	MN Tân Quang II	101	5	101	4	109	4	122	4	433	17
19	MN An Đức	58	2	64	3	71	3	63	3	256	11
20	MN Hồng Đức	90	4	99	4	103	4	110	4	402	16
21	MN Vạn Phúc	62	3	72	3	63	2	77	3	274	11
22	MN Nghĩa An	90	4	145	4	177	5	151	5	563	18
23	MN Ứng Hòa	132	5	140	6	135	5	135	5	542	21
24	MN Quyết Thắng	50	3	43	2	45	2	60	2	198	9
Tổng cộng		1970	90	2129	77	2277	82	2371	82	8747	331

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Phú Tùng

Ninh Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2022
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Vạn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG**

**QUY MÔ SỐ LỚP- SỐ HỌC SINH
NĂM HỌC 2022-2023 CẤP TIỂU HỌC**

(Thời điểm 01/9/2022)

(Thời điểm 01/9/2022)

TT	Trường Tiểu học	Quy mô năm học 2022-2023												Ghi chú
		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số		
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	
1	TH Thị trấn	93	3	85	3	125	4	101	3	116	4	520	17	
2	TH Hiệp lực	64	2	110	4	115	4	93	3	131	4	513	17	
3	TH Đồng Tâm	114	3	144	4	122	4	113	3	150	4	643	18	
4	TH Vĩnh Hoà	128	4	153	4	137	4	154	4	174	5	746	21	
5	TH Ninh Thành	54	2	74	3	59	2	55	2	81	3	323	12	
6	TH Tân Hương	139	4	151	5	139	4	130	4	151	5	710	22	
7	TH Đông Xuyên	83	3	108	3	108	4	112	4	115	4	526	18	
8	TH Ninh Hải	101	3	131	4	129	4	129	3	145	4	635	18	
9	TH Hồng Dụ	102	3	129	4	145	5	143	5	144	5	663	22	
10	TH Hồng Phong	111	3	130	4	114	3	124	4	112	3	591	17	
11	TH Kiến Quốc	127	4	114	4	123	4	115	4	144	5	623	21	
12	TH Hồng Phúc	64	2	84	3	83	3	74	2	86	3	391	13	
13	TH Tân Phong	114	4	159	5	156	5	164	5	185	5	778	24	
14	TH Hưng Long	87	3	71	3	93	3	75	3	83	3	409	15	
15	TH Hưng Thái	77	3	101	3	71	3	98	3	103	3	450	15	
16	TH Văn Giang	70	3	95	3	86	3	96	3	100	3	447	15	
17	TH Văn Hội	63	2	52	2	60	2	81	3	77	3	333	12	
18	TH Tân Quang	50	2	72	3	79	3	68	2	93	3	362	13	
19	TH Tân Quang II	109	4	123	5	139	5	107	4	136	5	614	23	
20	TH An Đức	64	2	73	3	94	3	105	3	102	3	438	14	
21	TH Hồng Đức	98	3	130	4	125	4	156	5	136	4	645	20	
22	TH Vạn Phúc	72	2	93	3	106	3	78	2	74	2	423	12	
23	TH Nghĩa An	157	5	197	6	177	6	193	6	204	6	928	29	
24	TH Ninh Hoà	52	2	41	2	49	2	44	2	40	2	226	10	
25	TH Ứng Hoà	90	3	119	4	98	3	106	4	137	4	550	18	
26	TH Quyết Thắng	61	2	75	2	57	2	76	2	69	2	338	10	
Tổng cộng		2344	76	2814	93	2789	92	2790	88	3088	97	13825	446	

Ninh Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2022

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Phú Tùng



Nguyễn Thành Vạn

(Thời điểm 01/9/2022)

Phạm Phú Tùng